



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3506/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Nhân Nghĩa,
tỉnh Phú Thọ đến năm 2050 tỷ lệ 1/10.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày
11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
Sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và
nông thôn; Sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12
năm 2025 của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho
hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 836 /QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây
dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông
thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
UBND tỉnh Phú Thọ về việc Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định quản lý quy hoạch đô thị và
nông thôn, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; được Sửa đổi, bổ sung tại Quyết*

định số 49/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 554 /BC-SXD ngày 07 tháng 9 năm 2026; Văn bản số 11819 /SXĐ-QHKT ngày 26 tháng 9 năm 2026; của Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa tại Tờ trình 67 /TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Nhân Nghĩa, tỉnh Phú Thọ đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000, với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xã Nhân Nghĩa, tỉnh Phú Thọ đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000.

2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Nhân Nghĩa.

3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Bảo Long.

4. Phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Bắc: Giáp xã Mùông Vang.

- Phía Nam: Giáp xã Yên Phú.

- Phía Đông: Giáp xã Dũng Tiến và xã Lạc Lương.

- Phía Tây: Giáp xã Thượng Cốc.

b) Quy mô lập quy hoạch: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính toàn xã Nhân Nghĩa, tỉnh Phú Thọ. Diện tích khoảng 8.145,65 ha.

c) Thời hạn Quy hoạch chung xã Nhân Nghĩa, tỉnh Phú Thọ: đến năm 2050.

5. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

a) Quan điểm:

Quy hoạch chung xã Nhân Nghĩa được lập trên cơ sở cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch cấp trên; tổ chức không gian phát triển phù hợp với phạm vi đơn vị hành chính sau sắp xếp. Phát triển xã theo hướng xanh, bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng đất đai, nông - lâm nghiệp, tài nguyên rừng, cảnh quan và văn hóa địa phương; hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ rừng, đa dạng sinh học, môi trường, cảnh quan, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Quy hoạch chú trọng tổ chức hợp lý hệ thống trung tâm xã, khu dân cư, vùng sản xuất, thương mại - dịch vụ và du lịch; bảo tồn các giá trị văn hóa

Mường; từng bước hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng số, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ và chất lượng sống của người dân.

b) Mục tiêu quy hoạch:

Cụ thể hóa định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh đối với xã Nhân Nghĩa; xác định tính chất, chức năng, động lực phát triển và mô hình tổ chức không gian của xã; làm cơ sở lập đồ án Quy hoạch chung xã, quản lý phát triển không gian, sử dụng đất, hệ thống hạ tầng, đầu tư xây dựng và triển khai các chương trình, dự án có liên quan. Phát huy lợi thế về nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh tế rừng, sản xuất hàng hóa và sản phẩm đặc sản; phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa Mường; tổ chức hợp lý hệ thống dân cư và các khu chức năng; hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; bảo vệ tài nguyên, môi trường, cảnh quan và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, tạo nền tảng phát triển bền vững đến năm 2050.

6. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch

a) Tính chất:

Xã Nhân Nghĩa nằm trong Phân vùng 4 (*vùng phía Tây tỉnh*) - không gian sinh thái và dự trữ phát triển lâu dài của tỉnh, thuộc khu vực phía Nam Hòa Bình cũ. Xã hình thành từ ba xã cũ Nhân Nghĩa, Văn Nghĩa, Mỹ Thành, bao trọn không gian văn hóa Mường Vó. Xã phát triển theo mô hình nông thôn mới sinh thái, giàu bản sắc, dựa trên các trụ cột: Bảo vệ rừng, nguồn nước, đa dạng sinh học; nông nghiệp hàng hóa tập trung gồm lúa năng suất cao, chăn nuôi tập trung (*lợn, bò thịt, gia cầm*), vùng gà Lạc Sơn đặc sản; kinh tế rừng bền vững gắn vùng trồng rừng nguyên liệu; khai thác đa mục tiêu hồ Cánh Tạng gắn bảo vệ nguồn nước; du lịch văn hóa - sinh thái - cộng đồng gắn với di sản Mường Vó và liên kết, liên kết với không gian du lịch Kim Bôi qua Mường Vang, Thượng Cốc; phát triển du lịch văn hóa - cộng đồng Mường Vó, homestay ở quy mô phù hợp.

b) Vai trò:

Xã Nhân Nghĩa là một bộ phận của không gian sinh thái và dự trữ phát triển lâu dài của tỉnh, giữ vai trò bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, vùng sinh thủy của suối Dom và hệ thống suối, hồ, đập trên địa bàn, góp phần điều tiết nguồn nước lưu vực sông Bưởi. Về kinh tế, xã là một trong các địa bàn cốt lõi của vùng lúa tập trung; vùng chăn nuôi lợn, bò thịt, gia cầm tập trung; vùng gà Lạc Sơn đặc sản và vùng trồng rừng nguyên liệu của khu vực phía Nam Hòa Bình cũ. Về văn hóa, xã là không gian bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Mường Vó với lễ hội Rước Bụt Khụ Dúng, di tích Hang Khụ Dúng, bản làng truyền thống, làng nghề mây tre đan xóm Bui. Về du lịch, xã liên kết, liên kết với không gian du lịch Kim Bôi qua Mường Vang, Thượng Cốc; phát triển du lịch văn hóa - cộng đồng, homestay. Về hạ tầng, xã là một phần địa bàn khai thác đa mục tiêu hồ Cánh Tạng (*thủy lợi,*

năng lượng tái tạo, nuôi cá lồng). Về xã hội, xã là địa bàn ưu tiên thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đầu mối giao thương nông - lâm sản của cụm xã tại Chợ Vó.

c) Chức năng:

Phát triển vùng lúa tập trung năng suất cao; chăn nuôi theo hướng trang trại, tập trung, công nghệ cao, thân thiện môi trường; trồng rừng nguyên liệu, gỗ lớn, nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ trên đất rừng sản xuất theo quy định; cây ăn quả, dược liệu ở quy mô phù hợp; ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ tại nơi có điều kiện; làng nghề mây tre đan, cơ sở sơ chế nông lâm sản quy mô phù hợp. Bảo vệ rừng, nguồn nước, cảnh quan, phòng chống thiên tai. Du lịch văn hóa tâm linh, cộng đồng, trải nghiệm nông nghiệp - làng nghề, thể thao ngoài trời có kiểm soát. Tổ chức trung tâm xã mới và các điểm dân cư an toàn, cung cấp đồng bộ dịch vụ hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

7. Dự kiến các chỉ tiêu cơ bản áp dụng trong đồ án về quy mô dân số, nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

a) Dự báo quy mô dân số:

- Hiện trạng năm 2026, dân số toàn xã 20.271 người.
 - Dự báo quy mô dân số lập quy hoạch đến năm 2050 khoảng 26.000 người.
- (Dân số sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch).*

b) Các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu trong khu vực quy hoạch sẽ được áp dụng cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp theo các quy định của QCVN 01:2021/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng”; QCVN 07:2023/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật” và tiêu chuẩn hiện hành hoặc quy chuẩn thay thế có hiệu lực tại thời điểm thẩm định, phê duyệt.

8. Các yêu cầu đồ án quy hoạch cần nghiên cứu

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội

- Phân tích đánh giá các đặc điểm tự nhiên về địa hình, khí hậu, thủy văn, địa chất..., đặc điểm cảnh quan sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa, du lịch của xã và các khu vực phụ cận có ảnh hưởng đến định hướng phát triển xã. Đánh giá những tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, ngập, úng, lũ ống, lũ quét có thể xảy ra trên địa bàn làm cơ sở đề xuất các giải pháp quy hoạch để ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Đánh giá về quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng.

- Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội: Thực trạng phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; hiện trạng dân cư, hiện trạng phân bố khu dân cư nông thôn, đô thị (nếu có) và các khu chức năng; sự biến động về dân số; hiện trạng lao động, việc làm...

- Đánh giá hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai: Thống kê hiện trạng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch; phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng đất và các vấn đề tồn tại về sử dụng đất, cảnh quan không gian cần giải quyết để đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Đánh giá hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh trên địa bàn xã (nếu có);

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của xã; xác định các hạ tầng còn yếu, thiếu và cần hoàn thiện, nâng cao trong giai đoạn quy hoạch.

- Đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường, xác định những vấn đề tồn tại để có giải pháp quy hoạch, quản lý, sử dụng phù hợp.

- Rà soát tình hình triển khai các chương trình dự án đầu tư phát triển trên địa bàn xã; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch (*kết quả thực hiện quy hoạch nông thôn trong giai đoạn trước, làm rõ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; các nội dung chưa phù hợp, cần điều chỉnh...*), quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng, đề xuất các nội dung trọng tâm cần nghiên cứu, các vấn đề tồn tại cần giải quyết trong giai đoạn mới.

- Thu thập thông tin, số liệu về hiện trạng, dự kiến phát triển các hoạt động sản xuất nông nghiệp, yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn xã.

b) Xác định động lực và tiềm năng phát triển của xã:

- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên: Các điều kiện về đất đai, khí hậu, nguồn nước, cảnh quan môi trường... để định hướng phát triển nông nghiệp chuyên canh, du lịch sinh thái, phát triển kinh tế nông lâm kết hợp...

- Vị trí địa lý và kết nối vùng: Xác định tiềm năng về hệ thống giao thông, kết nối tuyến ĐT.444 kéo dài, tuyến C; liên kết với đô thị Lạc Sơn và không gian du lịch Kim Bôi... làm cơ sở tổ chức trung tâm xã, chợ, điểm thu mua, sơ chế nông lâm sản.

- Lực lượng lao động và nguồn nhân lực: Các tiềm năng về lao động và nguồn lao động, khả năng chuyển đổi ngành nghề tạo điều kiện cho phát triển làng nghề, hợp tác xã nông nghiệp...

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội: Tiềm năng về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội làm cơ sở thu hút đầu tư, phục vụ sản xuất và cải thiện chất lượng cuộc sống...

- Văn hóa - xã hội và cộng đồng: Tiềm năng về bản sắc văn hóa dân tộc, lễ hội, sự đoàn kết của các dân tộc làm cơ sở phát triển du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa các dân tộc.

- Chính sách và hỗ trợ từ nhà nước: Xác định các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn lực ưu tiên đầu tư từ ngân sách áp dụng trên địa bàn.

- Tác động, yêu cầu của định hướng, phương hướng, quy hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với việc lập quy hoạch chung xã.

c) Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường

- Dự báo phát triển kinh tế của xã theo hướng nông nghiệp hàng hóa, chăn nuôi tập trung và kinh tế rừng vẫn giữ vai trò nền tảng; tăng dần thương mại, dịch vụ, du lịch cộng đồng, sơ chế nông lâm sản và làng nghề.

- Dự báo quy mô dân số, lao động cho giai đoạn quy hoạch 20-25 năm;

- Dự báo nhu cầu sử dụng đất cho các loại đất nông nghiệp, đất xây dựng;

- Dự báo các vấn đề về môi trường trong thời kỳ quy hoạch trước áp lực chất thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, rác thải du lịch, suy giảm nguồn nước và rủi ro thiên tai;

- Dự báo các rủi ro thiên tai: ngập úng, sạt lở, lũ quét, biến đổi khí hậu và các rủi ro có thể ảnh hưởng đến phát triển không gian.

d) Định hướng cấu trúc, phát triển không gian tổng thể các khu vực đô thị hóa, khu dân cư nông thôn, khu vực sản xuất, thương mại, dịch vụ

Cấu trúc không gian lấy rừng phòng hộ, hệ thống suối, hồ, đập và vùng nguy cơ thiên tai làm khung sinh thái; không gian dân cư, sản xuất, dịch vụ bố trí ngoài khung này, kết nối bằng trục liên xã, trục kết nối ba khu vực xã cũ và tuyến tiếp cận di tích. Xã không hình thành khu vực đô thị hóa; trung tâm xã mới phát triển theo mô hình điểm dân cư nông thôn tập trung, bố trí cơ quan hành chính, Trung tâm phục vụ hành chính công, dịch vụ công cộng, chợ trung tâm xã và thương mại; trung tâm xã cũ là cụm dịch vụ hỗ trợ. Khu dân cư được chỉnh trang, giữ cấu trúc xóm Mường, bố trí ổn định dân cư cho hộ thiếu đất ở và vùng nguy cơ thiên tai. Khu sản xuất gồm vùng lúa tập trung, vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư và nguồn nước, vùng gà Lạc Sơn đặc sản, vùng trồng rừng nguyên liệu, cây ăn quả quy mô phù hợp; vùng nuôi cá lồng, phạm vi nhà máy điện mặt

trời trên hồ Cánh Tàng. Không gian du lịch tổ chức theo tuyến di tích Khu Dúng - làng nghề xóm Bui - điểm du lịch - hồ Cánh Tàng.

đ) Định hướng sử dụng đất quy hoạch

Sử dụng đất phù hợp chỉ tiêu được quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất phân bổ, lấy bảo vệ rừng và nguồn nước làm nguyên tắc xuyên suốt. Diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất đã xác định trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp được giữ ổn định; trường hợp chuyển mục đích phải có đủ căn cứ pháp lý. Đất rừng sản xuất ưu tiên trồng rừng nguyên liệu, gỗ lớn, nông lâm kết hợp; được liệt kê ở quy mô phù hợp. Đất chuyên trồng lúa trong vùng lúa tập trung được bảo vệ nghiêm ngặt, hạn chế chuyển đổi; chỉ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả ngoài vùng lúa tập trung sang cây ăn quả, cây hàng hóa. Bổ sung quỹ đất chăn nuôi tập trung theo pháp luật đất đai, chăn nuôi, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường. Đất ở được chỉnh trang, ưu tiên giãn dân tại chỗ, bố trí đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào còn thiếu. Xác định ranh giới lòng hồ, phạm vi công trình năng lượng, thủy lợi khu vực hồ Cánh Tàng. Bổ sung quỹ đất cho chợ, dịch vụ du lịch, làng nghề, cấp nước, xử lý nước thải, điểm tập kết chất thải rắn, quốc phòng, an ninh, bảo vệ di tích; hạn chế nghĩa trang phân tán.

e) Yêu cầu quản lý, quy mô sử dụng đất quy hoạch; định hướng kiến trúc cảnh quan, quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn

Quy hoạch xác định yêu cầu quản lý riêng cho từng khu vực. Tại rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, không xây dựng công trình ngoài công trình phục vụ bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; du lịch sinh thái chỉ thực hiện theo phương án được duyệt. Tại vùng chăn nuôi tập trung, kiểm soát quy mô, khoảng cách an toàn với khu dân cư, nguồn nước, di tích và yêu cầu xử lý chất thải. Tại khu dân cư, kiểm soát mật độ, tầng cao, hạn chế san gạt đồi, lấp suối, xây dựng ven suối, chân taluy, vùng trũng. Hành lang bảo vệ nguồn nước, hồ, đập; vùng nguy cơ sạt lở, lũ quét; đất chuyên trồng lúa; khu vực bảo vệ di tích; hành lang giao thông, lưới điện và khu vực quốc phòng được quản lý theo pháp luật chuyên ngành. Khu vực du lịch thể thao ngoài trời cần xác định ranh giới, điều kiện an toàn. Quy mô sử dụng đất từng khu chức năng xác định theo giai đoạn, đáp ứng nhu cầu dự báo, phù hợp quy chuẩn và không vượt chỉ tiêu được phân bổ.

Kiến trúc cảnh quan tôn trọng địa hình tự nhiên, bảo tồn cấu trúc xóm Mường tựa đồi, hướng ra cánh đồng, suối, hồ; giữ gìn tầm nhìn về các dãy đồi, ruộng bậc thang và không gian thiêng của quần thể di tích Khu Dúng. Nhà ở khuyến khích hình thức nhà sàn Mường, mái dốc, vật liệu địa phương, màu sắc hài hòa thiên nhiên; không chế tầng cao thấp tại xóm truyền thống, khu vực giáp rừng và vùng bảo vệ di tích. Trung tâm xã tổ chức quảng trường, sân lễ hội gắn công trình hành chính, văn hóa, vận dụng yếu tố kiến trúc truyền thống. Công

trình dịch vụ du lịch quy mô nhỏ, hòa nhập địa hình, không che chắn cảnh quan hồ, suối, đỉnh đồi. Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn lập theo pháp luật về kiến trúc và quy định của tỉnh, xác định yêu cầu bản sắc kiến trúc Mường, các khu vực quản lý đặc thù như trung tâm xã, vùng di tích Khụ Dúng, làng nghề xóm Bui, điểm du lịch và công trình có giá trị.

g) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ, thích ứng thiên tai. Về chuẩn bị kỹ thuật, khoanh vùng nguy cơ ngập úng, sạt lở, lũ quét để xác định cao độ nền an toàn; thoát nước mưa theo lưu vực tự nhiên, hạn chế san lấp ao hồ, cống hóa suối; kè bờ suối, taluy tại khu dân cư. Về giao thông, cứng hóa toàn bộ đường đến trung tâm xã và đường liên thôn, bảo đảm thông suốt mùa mưa lũ; hoàn thiện trục kết nối ba khu vực xã cũ, đường đến di tích, đường sản xuất, ngầm, cầu qua suối và bãi đỗ xe. Về cấp điện, cải tạo lưới điện xuống cấp, bổ sung trạm biến áp, chiếu sáng công cộng; cập nhật dự án nguồn điện khu vực hồ Cánh Tạng và hành lang đầu nối. Ưu tiên cấp nước tập trung, khôi phục công trình cấp nước hiện có. Nước thải xử lý phân tán theo cụm dân cư, trung tâm xã, khu chăn nuôi; chất thải rắn thu gom về điểm tập kết, xử lý tập trung. Nghĩa trang tập trung hóa; hạ tầng số, hạ tầng sản xuất hoàn thiện đến thôn, xóm.

h) Định hướng phương án bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường trên cơ sở phân vùng môi trường theo quy hoạch tỉnh: vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm nguồn nước mặt cấp sinh hoạt, vùng lõi khu bảo tồn, khu vực bảo vệ di tích; vùng hạn chế phát thải gồm hành lang suối, hồ, đập, khu vực hồ Cánh Tạng, vùng di tích, điểm du lịch; vùng còn lại là trung tâm xã, điểm dân cư và vùng sản xuất. Trọng tâm là giữ ổn định diện tích, nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng. Kiểm soát chặt chất thải chăn nuôi tập trung bằng giải pháp xử lý đạt chuẩn, khoảng cách an toàn và tái sử dụng phụ phẩm theo hướng tuần hoàn; hạn chế chăn nuôi xen khu dân cư. Thu gom, xử lý nước thải khu trung tâm, chợ, trường học, điểm lễ hội; nước thải xả vào khu vực hồ phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ nguồn nước. Quản lý rác thải nông thôn, bao bì thuốc bảo vệ thực vật, phụ phẩm làng nghề; kiểm soát khai thác khoáng sản nhỏ lẻ. Lồng ghép thích ứng biến đổi khí hậu.

i) Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

Luận cứ, xác định danh mục chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch (đến năm 2030 và giai đoạn 2031 - 2050), bảo đảm tính khả thi, phù hợp nguồn lực; lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án đang triển khai trên địa bàn.

9. Các yêu cầu về hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

9.1. Hồ sơ sản phẩm

Thành phần và nội dung hồ sơ đồ án Quy hoạch chung thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025, Thông tư 43/2025/TT-BXD, Thông tư số 24/2026/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
I	Phần bản vẽ		
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	QH-01	Tỷ lệ thích hợp
2	Bản đồ hiện trạng	QH-02	1/10.000
3	Bản đồ định hướng phát triển không gian	QH-03	1/10.000
4	Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật	QH-04	1/10.000
5	Bản đồ sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn	QH-05	1/10.000
II	Phần văn bản		
1	Thuyết minh		
2	Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch chung xã và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch chung xã;		
3	Quyết định phê duyệt các quy hoạch liên quan, Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xã trước (nếu có);		
4	Văn bản khác có liên quan.		

Quy cách, số lượng của sản phẩm hồ sơ:

- 07 bộ Bản vẽ, văn bản thuyết minh giấy theo đúng tỷ lệ.
- Bản đồ số, file số các văn bản lưu dưới định dạng .dwg hoặc .dng lưu trữ trong 01 USB.

9.2. Yêu cầu thể hiện hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý GIS

a) Các lớp dữ liệu :

Các lớp dữ liệu sẽ được chuyển đổi sang CSDL GIS gồm:

TT	Tên bảng dữ liệu	Dạng dữ liệu không gian
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	Ảnh geotif
2	Bản đồ hiện trạng	Vùng, đường, điểm
3	Bản đồ định hướng phát triển không gian	Vùng, đường, điểm
4	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật	Vùng, đường, điểm
5	Bản đồ sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn	Vùng, đường, điểm

- Thông tin của các đối tượng trên phải được lấy từ các nguồn: bản đồ, các biểu quy hoạch, quyết định và thuyết minh quy hoạch được phê duyệt.

b) Sản phẩm GIS:

- GIS hóa dữ liệu:

+ Định dạng: định dạng dữ liệu Shapefile và Geodatabase (gdb).

+ Hệ tọa độ VN2000.

- Số hóa, nắn chuyển các bản đồ:

+ Định dạng bàn giao: File GeoTiff; PDF.

+ Hệ tọa độ VN2000.

- Xây dựng hồ sơ số quy hoạch xây dựng: Sản phẩm được đóng gói theo đồ án.

+ Dữ liệu GIS hóa.

+ Dữ liệu số hóa và nắn chuyển.

+ Các văn bản tài liệu điện tử liên quan.

- Tích hợp lên hệ thống thông tin và CSDL quy hoạch xây dựng tỉnh Phú Thọ <https://quyhoachxaydung.phutho.gov.vn>.

10. Dự toán kinh phí và nguồn vốn lập quy hoạch

a) Nguồn vốn, chi phí lập đồ án quy hoạch: Nguồn vốn ngân sách xã Nhân Nghĩa và các nguồn vốn hợp pháp khác. Chi phí lập quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 27/9/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn; sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 49/2026/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ.

b) Chi phí lập nhiệm vụ, khảo sát địa hình: Được thực hiện theo quy định

tại Điều 5 Quyết định số 135/2025/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh về ban hành quy định một số nội dung liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Đơn vị tư vấn khảo sát, lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Nhân Nghĩa.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban ngành của tỉnh.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Phú Thọ.
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Phú Thọ.
- Thời gian thực hiện lập quy hoạch: Không quá 09 tháng kể từ ngày lựa chọn được đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Nhân Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn